

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/HS-PT
Ngày 19-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Nguyễn Hữu Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 76/2022/TLPT-HS ngày 19 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Phan Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2022/HS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Phan Văn T**, sinh năm 1989 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp BP, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: đi kéo lưới (làm thuê); trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn Ch và bà Võ Thị Ph; vợ: Nguyễn Thị Huỳnh L; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hồ Tấn Ph là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bến Tre; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Trần Hoàng L nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị phúc thẩm).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 12 giờ 05 phút ngày 05/01/2022, tại nhà ông Trần Ngọc H (sinh năm 1976, ở ấp BT 3, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre), Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy Công an huyện BD, tỉnh Bến Tre bắt quả tang các bị cáo Trần Hoàng L (là con ruột ông H) và Phan Văn T đang có hành vi mua bán trái phép chất ma túy (01 tép ma túy) cho anh Nguyễn Đức D.

Vật chứng thu giữ:

- Thu của bị cáo Trần Hoàng L: 01 (một) điện thoại di động hiệu REALME màu xanh loại màn hình cảm ứng, có số IMEI1:860343042220130, IMEI2:

860343042220122 và 01 cuộn băng keo màu trắng vàng.

- Thu của bị cáo Phan Văn T: 01 (một) bao thuốc lá hiệu COTAB, bên trong có 16 điếu thuốc, bên ngoài vỏ bao có 200.000 đồng gồm 02 tờ polymer, mỗi tờ mệnh giá 100.000 đồng và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu đen loại bàn phím có số IMEI: 352702/04/866205/5 bị hỏng.

- Thu của anh Nguyễn Đức D: thu trên lai quần bên trái loại quần sọt jean màu xanh có 01 đoạn băng keo màu trắng vàng bên trong có 01 (một) ống nhựa màu trắng sọc vàng bên trong có chứa nhiều hạt tinh thể màu trắng nghi là ma túy và 01 (một) điện thoại di động hiệu VIVO màn hình cảm ứng màu đen có số IMEI 1: 865652059366478, IMEI 2: 865652059366460.

Qua làm việc, các bị cáo L và T khai nhận: khoảng 16 giờ ngày 04/01/2022 bị cáo L điện thoại cho 01 thanh niên tên L không rõ lai lịch tại huyện BT, tỉnh Bến Tre hỏi mua 200.000 đồng ma túy về để sử dụng. Cả hai thống nhất đến Cổng đập BL thuộc ấp BT 3, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre để giao dịch. Lúc này, bị cáo L nhớ còn thiếu bị cáo T 500.000 đồng nên gọi điện thoại cho bị cáo T nói là định trả tiền cho T nhưng dùng 200.000 đồng để mua ma túy về cả hai cùng sử dụng. Bị cáo T đồng ý. Bị cáo L đi đến Cổng đập BL mua ma túy của L rồi đem về cất giấu ở nhà. Khoảng 08 giờ ngày 05/01/2022, bị cáo T đến nhà bị cáo L chơi, cả hai ngồi nói chuyện tại bàn đá phía trước nhà. Cùng lúc này, anh Nguyễn Đức D và Nguyễn Phúc H (sinh năm 1984, nơi cư trú ở ấp BT 1, xã TT, huyện BD, tỉnh Bến Tre) đang uống nước tại quán Bàng Lãng Tím thuộc thị trấn BD mới bàn bạc hùn mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy về sử dụng. Anh D điện thoại cho bị cáo L hỏi mua 200.000 đồng ma túy nhưng không nói cho bị cáo L biết là anh D hùn tiền với anh H mua ma túy. Bị cáo L đồng ý và hẹn anh D đến nhà của bị cáo L để giao dịch. Lúc này, bị cáo L nói bị cáo T là tép ma túy mua về giờ không sử dụng nữa bán cho anh D để lấy tiền đổ xăng đi làm và bị cáo T đồng ý. Bị cáo L vào nhà lấy tép ma túy để trên bàn, bị cáo T nhìn thấy và đi vào nhà bị cáo L lấy 01 đoạn băng keo 02 mặt màu vàng dán tép ma túy. Đến 12 giờ 05 phút cùng ngày, anh D điều khiển xe chở anh H đến nhà bị cáo L. Anh H ngồi ngoài xe chờ, còn anh D đi vào nhà 01 mình. Khi gặp D, bị cáo T chỉ tép ma túy trên bàn, anh D lấy bỏ vào lai quần, để trên bàn 200.000 đồng, bị cáo T lấy số tiền trên bỏ vào vỏ nhựa bên ngoài bao thuốc lá hiệu COTAB thì bị lực Công an bắt quả tang như trên.

Theo Kết luận giám định số: 03/2022/GĐMT ngày 07/01/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: tinh thể màu trắng đựng trong 01 đoạn ống nhựa được niêm phong trong phong bì gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0371 gam.

Ngày 22/02/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện BD đã trả lại cho anh Nguyễn Đức D: 01 điện thoại di động hiệu VIVO màn hình cảm ứng màu đen có số IMEI 1: 865652059366478, IMEI 2: 865652059366460 vì điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2022/HS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy”;

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 02 (hai) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Hoàng L, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/7/2022 bị cáo Phan Văn T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm. Bị cáo giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Phan Văn T 02 năm tù là tương xứng; kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phan Văn T 02 năm tù. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo phát biểu tranh luận: đồng ý về tội danh mà Bản án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, có 03 con nhỏ, là lao động chính trong gia đình, bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây ảnh hưởng xấu cho xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào khoảng 12 giờ 05 phút ngày 05/01/2022, tại nhà của ông Trần Ngọc H, các bị cáo Trần Hoàng L và Phan Văn T đã có hành vi bán trái phép 01 tép ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,0371 gam cho anh Nguyễn Đức D thu lợi bất chính số tiền 200.000 đồng thì bị lực lượng Cảnh sát điều tra Công an huyện BD bắt quả tang cùng tang vật.

[3] Về tội danh: bị cáo Phan Văn T là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; đã thực hiện hành vi mua bán trái phép khối lượng 0,0371 gam ma túy, loại Methamphetamine nhằm mục đích thu lợi bất chính; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và khối lượng chất ma túy mua bán trái phép, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Phan Văn T phạm “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Phan Văn T yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; “*gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo*” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 02 năm tù.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: bị cáo mua bán trái phép khối lượng 0,0371 gam ma túy, loại Methamphetamine, phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Hành vi phạm tội mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo đã gây ra nhiều hệ quả xấu cho xã hội, chính ma túy đã gây tổn hại cho sức khỏe của con người, làm suy giảm giống nòi, suy giảm đạo đức xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội, vì vậy đối với tội phạm về ma túy cần xử lý nghiêm mới đủ sức giáo dục, răn đe người phạm tội và có tác dụng tích cực trong đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, thuộc hộ cận nghèo, có con nhỏ bị bệnh u lành của lưỡi, có vay vốn của Ngân hàng chính sách. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 02 năm tù theo mức khởi điểm của khung hình phạt và không cho bị cáo hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo có căn cứ và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Người bào chữa đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do thuộc hộ cận nghèo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Phan Văn T; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 13/2022/HS-ST ngày 14/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;

Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 02 (hai) năm tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Phan Văn T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Trần Hoàng L, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Bình Đại (3b);
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Công an huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- UBND xã TT, h.BĐ (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tôn Văn Thông